

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2018

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Công văn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Đại Phong và Biên bản đánh giá của Tổ chuyên gia ngày 07 tháng 6 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Đại Phong

Địa chỉ: Tầng 12, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0107924935

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định công trình

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Lô 4, đường TT5B, khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1777**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty CP TV Kiểm định Xây dựng Đại Phong;
- Sở XD Tp. Hà Nội;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



★ Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1777

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: **376** /GCN-BXD, ngày **18** tháng **6** năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử
	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 4787:89
2	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030 :2003
3	Xác định giới hạn uôn và nén	TCVN 6016 :2011 (ISO 679 :2009)
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn (TCVN 6017:2015), thời gian đông kết (TCVN 8875:2012) và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng (TCVN 8876:2012)	TCVN 6017 :2015 TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012
5	Xác định độ nở sun phát	TCVN 6080:2004
6	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070: 1995
7	Xác định độ trắng	TCVN 5691:2000
	Thử nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa	
8	Lấy mẫu	TCVN 7572-1: 2006
9	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
10	Xác định thành phần thạch học của cốt liệu	TCVN 7572-3 : 2006
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
12	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
13	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
14	Xác định độ ẩm	TCVN 7572 -7 :2006
15	Xác định hàm lượng bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
16	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
17	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
18	Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
19	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
20	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
21	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006
22	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 2006
23	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19: 2006
24	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
25	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-91
26	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D2419-91 AASHTO T191 -87
	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
27	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105: 1993
28	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:1993
29	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp BT	TCVN 3107: 1993
30	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng	TCVN 3108:1993
31	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp BT	TCVN 3109:1993
32	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110: 1993
33	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111: 1993
34	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993

35	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
36	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114: 1993
37	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
38	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:1993
39	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117: 1993
40	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
41	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
42	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:1993
43	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993
44	Lấy mẫu bê tông bằng khoan từ cấu kiện	ASTM C 42- 1990
45	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi nén tĩnh	TCVN 5276 : 1993
Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng		
46	Lấy mẫu hỗn hợp vữa	TCVN 3121: 2003
47	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003 TCVN 9028:2011
48	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-1:2003 TCVN 9028:2011
49	Xác định khối lượng riêng của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
50	Xác định khả năng độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003 TCVN 9028:2011
51	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003 TCVN 9028:2011
52	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
53	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003 TCVN 9028:2011
54	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003 TCVN 9028:2011
55	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
56	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011
57	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa trát sử dụng cho bề mặt ngoài khối xây	TCVN 9028:2011
58	Xác định độ co, nở và tách nước của vữa tự chảy không co	TCVN 9204:2012
Thử nghiệm bê tông nhựa		
59	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:2011
60	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
61	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
62	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
63	Xác định tỷ trọng trong khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái	TCVN 8860-5:2011
64	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
65	Xác định độ góc chanh của cát	TCVN 8860-7:2011
66	Xác định độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
67	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
68	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
69	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
70	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
Thử nghiệm nhựa bitum		
71	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005

72	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
73	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005
74	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
75	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
76	Xác định hàm lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
77	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
78	Xác định độ bám dính của đá	TCVN 7504:2005
79	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
	Thử nghiệm cơ lý dung dịch bentonite	
80	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395:2012
81	Xác định độ nhớt	TCVN 9395:2012
82	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 9395:2012
83	Xác định hàm lượng cát	TCVN 9395:2012
84	Xác định hàm lượng tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:2012
85	Xác định độ PH của dung dịch	TCVN 9395:2012
86	Xác định hàm lượng nước mất và độ dày áo sét	TCVN 9395:2012
87	Xác định tính ổn định	TCVN 9395:2012
	Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong BTN	
88	Kiểm tra hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng	22TCN 58:1984
89	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, hệ số hấp nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984
90	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
91	Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
92	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Kiểm tra kim loại, hàn	
93	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) ASTM A370:02
94	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
95	Thử uốn thép đai	TCVN 6287:97
96	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010 (ISO 5173 :2009)
97	Kiểm tra chất lượng hàn ống -thử nén dẹt	TCVN 5402 :2010 (ISO 9016:2001)
98	kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử kéo	TCVN 5403:91
99	Đo chiều dày lớp phủ -Chiều dày sơn	TCVN 2095:93
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng thí nghiệm	
100	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
101	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
102	Xác định giới hạn dẻo ,giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
103	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
104	Xác định sức chống cắt trên máy cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
105	Xác định nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
106	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
107	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
108	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 332-2006

	(California Bearing Ration)	
109	Thí nghiệm nén một trục có hở hông	ASTM D2166-01
110	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
111	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8723:2012
112	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
113	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
114	Đặc trưng co ngót của đất sét	AASHTO T92:88
115	Thí nghiệm nén cốt kết CV	ASTM D2435:96
116	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
	Thử nghiệm hiện trường	
117	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
118	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-92
119	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71
120	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
121	Xác định mô đun đàn hồi của đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D1556
122	Xác định mô đun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cân đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
123	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
124	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
125	Phương pháp thử không phá hủy xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm, súng bật nảy	TCVN 9335:2012
126	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
127	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xạ vận tốc xung siêu âm	TCVN 9347:2012
128	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
129	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398: 2012
130	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
131	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400: 2012
132	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92
133	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573 :94
134	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	ASTM D5778
135	Cọc- Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
136	Cọc khoan nhồi- Xác định tính đồng nhất của bê tông -PP xung siêu âm	TCVN 9396:2012
137	Cọc - thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-2000
138	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn bằng PP điện thế	TCVN 9348:2012
139	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.